

1. Học lực:

Stt	Trường	THSH		Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
		TS	Nữ	TS	Nữ	%	Nữ	TS	Nữ	%	Nữ	TS	Nữ
1	THCS Tân Lập	470	208	78	45	16,6	82	184	61	39,1	20	1	0
2	THCS Tân Tiến	646	311	112	70	17,3	141	224	93	34,7	6	1	1
3	THCS Tân Hòa	174	82	13	11	7,5	29	63	28	36,2	14	0	0
4	THCS Tân Lợi	194	101	25	19	12,9	49	55	27	28,4	6	0	0
5	THCS Tân Phú	716	344	83	52	11,6	146	263	111	36,7	34	4	1
6	THCS Tân Hưng	77	38	4	3	5,2	22	36	13	46,8	2	0	0
7	THCS Tân Phước	456	229	52	30	11,4	104	186	79	40,8	14	3	2
8	THCS Đồng Tâm	324	153	18	13	5,6	48	169	81	52,2	49	0	0
9	THCS Thuận Phú	652	313	103	75	15,8	127	233	95	35,7	15	5	1
10	THCS Thuận Lợi	351	165	20	15	5,7	72	138	59	39,3	18	2	1
11	DTNT Huyện	262	165	11	11	4,2	83	132	67	50,4	4	0	0
Tổng		4322	2109	519	344	12,0	903	1683	714	38,9	142	16	6

2. Hạnh kiểm:

Stt	Trường	THSH		Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
		TS	Nữ	TS	Nữ	%	Nữ	TS	Nữ	%	Nữ	TS	Nữ
1	THCS Tân Lập	470	208	215	130	45,7	67	61	11	13,0	0	0	0
2	THCS Tân Tiến	646	311	480	286	74,3	20	50	5	7,7	0	0	0
3	THCS Tân Hòa	174	82	82	60	47,1	22	10	0	5,7	0	0	0
4	THCS Tân Lợi	194	101	159	93	82,0	8	4	0	2,1	0	0	0
5	THCS Tân Phú	716	344	517	285	72,2	56	17	3	2,4	0	0	0
6	THCS Tân Hưng	77	38	56	34	72,7	4	1	0	1,3	0	0	0
7	THCS Tân Phước	456	229	382	212	83,8	15	2	2	0,4	0	0	0
8	THCS Đồng Tâm	324	153	239	135	73,8	16	9	2	2,8	0	0	0
9	THCS Thuận Phú	652	313	502	282	77,0	30	9	1	1,4	0	0	0
10	THCS Thuận Lợi	351	165	228	138	65,0	26	17	1	4,8	0	0	0
11	DTNT Huyện	262	165	221	158	84,4	7	2	0	0,8	0	0	0
Tổng		4322	2109	3081	1813	71,3	271	182	25	4,2	0	0	0

(TSHS: 4489, trừ THCS Tân Lập khối 7 học VN 167 em = 4.322)

Đồng Phú, ngày 04/01/2017

TRƯỞNG PHÒNG



Hoàng Thanh Mỹ

1. Học lực:

Stt	Khố	THSH		Dân tộc		Giỏi				Khá				Trung bình						Yếu						Kém									
		TS	Nữ	TS	Nữ	%	Dân tộc			TS	Nữ	%	TS	Nữ	%	Dân tộc			TS	Nữ	%	Dân tộc			TS	Nữ	%	Dân tộc							
							TS	Nữ	%							TS	Nữ	%				TS	Nữ	%				TS	Nữ	%	TS	Nữ	%		
1	6	1210	582	251	137	126	88	10,4	15	10	6	398	239	32,9	64	40	25,5	470	199	38,8	113	65	45	206	53	17	58	21	23,1	10	3	0,8	1	1	0,4
2	7	1013	486	242	104	132	86	13	11	7	4,5	343	213	33,9	72	47	29,8	355	159	35	107	42	44,2	178	25	17,6	50	7	20,7	5	3	0,5	2	1	0,8
3	8	1091	509	209	103	134	82	12,3	14	10	6,7	334	213	30,6	54	39	25,8	442	177	40,5	104	44	49,8	180	37	16,5	37	10	17,7	1	0	0,1	0	0	0
4	9	1008	532	185	116	127	88	12,6	14	13	7,6	371	238	36,8	71	52	38,4	416	179	41,3	90	46	48,6	94	27	9,3	10	5	5,4	0	0	0	0	0	0
Tổng		4322	2109	887	460	519	344	12	54	40	6,1	1446	903	33,5	261	178	29,4	1683	714	38,9	414	197	46,7	658	142	15,2	155	43	17,5	16	6	0,4	3	2	0,3

2. Hạnh kiểm:

Stt	Khố	THSH		Dân tộc		Tốt			Khá				Trung bình					Yếu					Kém								
		TS	Nữ	TS	Nữ	%	Dân tộc			TS	Nữ	%	Dân tộc			TS	Nữ	%	Dân tộc			TS	Nữ	%							
							TS	Nữ	%				TS	Nữ	%				TS	Nữ	%										
1	6	1210	582	251	137	863	491	71,3	182	114	72,5	302	84	25	65	21	25,9	45	7	3,7	4	2	1,6	0	0	0	0	0	0		
2	7	1013	486	242	104	745	435	73,5	171	91	70,7	227	48	22,4	59	12	24,4	41	3	4	12	1	5	0	0	0	0	0	0		
3	8	1091	509	209	103	727	423	66,6	148	87	70,8	315	80	28,9	59	16	28,2	49	6	4,5	2	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
4	9	1008	532	185	116	746	464	74	150	106	81,1	215	59	21,3	30	9	16,2	47	9	4,7	5	1	2,7	0	0	0	0	0	0	0	
Tổng		4322	2109	887	460	3081	1813	71,3	651	398	73,4	1059	271	24,5	213	58	24	182	25	4,2	23	4	2,6	0	0	0	0	0	0	0	0

(TSHS: 4489, trừ THCS Tân Lập khối 7 học VN 167 em = 4.322)

Đồng Phú, ngày 04/01/2017

TRƯỞNG PHÒNG



Hoàng Thanh Mỹ